https://trungtamthuoc.com/

Bomaxte Tab.

Viên nén

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC: cho 1 viên:
Thành phần dược chất: Bromhexin hydroclorid 8 mg.
Thành phần tá dược: Lactose, Cellulose vi tinh thể (Microcel 101), Lycatab PGS, Magnesi stearat vừa đủ 1 viên.

DẠNG BÀO CHẾ: Viên nén hình tròn, màu trắng hoặc trắng ngà, viên chắc, cạnh và thành viên lành lặn.

CHỈ ĐỊNH
Được chỉ định để điều trị triệu chứng rối loạn tiết chất nhầy phế quản, đặc biệt là trong các bệnh lý phế quản cấp: viêm phế quản cấp tính, đợt cấp của bệnh viêm phế quản mãn tính.

CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG:
Liều dùng:
Chỉ dùng cho người lớn
Người lớn: 1 đến 2 viên, 3 lần một ngày.
Thời gian điều trị không quá 5 ngày nếu không có lời khuyên của bác sĩ.
Nếu triệu chứng không cải thiện sau 5 ngày điều trị hoặc các triệu chứng nặng hơn thì cần đến bác sĩ để được tư vấn.
Cách dùng:
Dùng đường uống. Uống thuốc với nước đun sôi để nguội.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
Quá mẫn cảm với bromhexin hydroclorid hoặc bất kỳ tá dược nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:
Những cơn ho thông thường, như một biểu hiện của việc bảo vệ phế quản phổi, cần được xem xét.
Sự kết hợp của thuốc tiêu nhầy với thuốc giảm ho và / hoặc với chất làm giảm dịch tiết (atropin) là không hợp lý.
Các phản ứng da nghiêm trọng như ban đỏ đa dạng, hội chứng Stevens-Johnson (SJS) / hội chứng Lyell, hoại tử thượng bì nhiễm độc (TEN) và hội chứng mụn mủ ngoại ban toàn thân cấp tính (AGEP) liên quan đến việc sử dụng bromhexin đã được báo cáo. Nếu có dấu hiệu hoặc triệu chứng phát ban tiến triển (đôi khi kèm theo mụn nước hoặc niêm mạc bị tổn thương), điều trị bằng bromhexin nên ngưng ngay lập tức và nên hỏi ý kiến bác sĩ.
Cảnh báo tá dược lactose:
Bệnh nhân có các vấn đề về di truyền hiếm gặp như không dung nạp galactose, thiếu hụt lactase Lapp hay chứng kém hấp thu glucose-galactose không nên dùng thuốc này.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:
Phụ nữ có thai:
Các nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác hại trực tiếp hoặc gián tiếp đối với quá trình mang thai, phát triển phôi hoặc bào thai, sinh con hoặc phát triển của trẻ sau khi sinh.
Có rất ít dữ liệu lâm sàng về việc sử dụng bromhexin trong thai kỳ.
Để phòng ngừa, tốt nhất là không sử dụng Bomaxte Tab. trong thời kỳ mang thai.
Phụ nữ cho con bú:
Không có dữ liệu về sự bài tiết của bromhexin trong sữa. Dùng Bomaxte Tab. trong thời kỳ cho con bú phải dựa trên lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ đối với trẻ và trên cơ sở lợi ích khi điều trị cho người mẹ.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC:
Không áp dụng.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỴ CỦA THUỐC:
Rượu: Sử dụng đồng thời tinidazol và rượu có thể tạo ra phản ứng giống như disulfiram và nên tránh.
Thuốc chống đông máu: Thuốc có cấu trúc hóa học tương tự đã được chứng minh là có tác dụng tăng cường tác dụng của thuốc chống đông đường uống. Thời gian prothrombin nên được theo dõi chặt chẽ và điều chỉnh liều thuốc chống đông máu nên được thực hiện khi cần thiết.

https://trungtamthuoc.com/

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN (ADR):
Rối loạn hệ thống miễn dịch:
Hiếm: phản ứng quá mẫn
Tần suất không rõ: Phản ứng phản vệ bao gồm sốc phản vệ, phù mạch.
Rối loạn da và mô dưới da:
Hiếm gặp: phát ban, nổi mề đay.
Tần suất không rõ: tác dụng phụ nghiêm trọng của da (bao gồm ban đỏ đa dạng, hội chứng Stevens-Johnson, hội chứng Lyell, hoại tử thượng bì nhiễm độc (TEN) và hội chứng mụn mủ ngoại ban toàn thân cấp tính (AGEP)).
Rối loạn tiêu hóa:
Không phổ biến: rối loạn tiêu hóa nhẹ như buồn nôn, khó tiêu, nôn mửa, tiêu chảy.
Rối loạn hô hấp, lồng ngực và trung thất.
Rất hiếm: co thắt phế quản
Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:
Cho đến nay, không có triệu chứng cụ thể nào của quá liều được báo cáo ở người.
Trong trường hợp quá liều, điều trị theo triệu chứng.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:
Mã ATC: R05BC02.
Nhóm dược lý: Thuốc tiêu chất nhầy, tiêu niêm dịch.
Bromhexin hydroclorid là chất điều hòa và tiêu nhầy đường hô hấp. Do hoạt hóa sự tổng hợp sialomucin và phá vỡ các sợi mucopolysacarid acid nên thuốc làm đờm lỏng hơn, ít quánh hơn. Thuốc làm long đờm dễ dàng hơn, nên làm đờm từ phế quản thoát ra ngoài hiệu quả.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:
Hấp thu: Bromhexin được hấp thu nhanh chóng và hoàn toàn qua đường tiêu hóa. Sinh khả dụng tuyệt đối của bromhexin hydroclorid khoảng 22,2 ± 8,5% đối với viên nén và 26,8 ± 13,1% đối với dung dịch. Thức ăn tăng nồng độ bromhexin trong huyết tương.
Phân bố: Sau khi tiêm tĩnh mạch, bromhexin phân bố nhanh và rộng, với thể tích phân bố trung bình (Vss) là 1209 ± 206 lit (19 lit / kg). Sự phân bố của bromhexin trong các mô phế quản và nhu mô phổi đã được khảo sát sau khi uống 32 mg và 64 mg. Hai giờ sau khi dùng, nồng độ bromhexin trong mô phế quản cao hơn 1,5 đến 3,2 lần và trong nhu mô phổi cao hơn 2,4 đến 5,9 lần so với nồng độ trong huyết tương.
Bromhexin đi qua hàng rào máu não.
Thuốc liên kết rất mạnh 95% với protein huyết tương.
Sự phân bố trong mô phổi được khảo sát sau khi tiêm tĩnh mạch 8 mg và 16 mg bromhexin. Nồng độ trong mô phổi 2 giờ sau khi dùng thuốc cao hơn 4,2-4,5 lần trong mô tiểu phế quản và 4,0-5,7 lần trong nhu mô phổi so với nồng độ trong huyết tương.
Chuyển hóa: Thuốc được chuyển hóa lần đầu khoảng 75-80%.
Bromhexin được chuyển hóa gần như hoàn toàn thành các chất chuyển hóa hydroxyl khác nhau và acid dibromanthranilic. Tất cả các chất chuyển hóa và bản thân bromhexin có thể được liên hợp dưới dạng N-glucuronid và O-glucuronid.
Thải trừ: Độ thanh thải bromhexin thay đổi từ 843-1073ml / phút.
Sau khi uống từ 8 đến 32 mg, dược động học của bromhexin là tuyến tính. Sau khi dùng bromhexin đánh dấu phóng xạ, khoảng 97,4 ± 1,9% liều dùng được thu hồi trong nước tiểu, chất chuyển hóa còn hoạt tính chiếm ít hơn 1%.
Sau khi uống liều duy nhất từ 8 đến 32 mg, thời gian bán thải trong khoảng từ 6,6 đến 31,4 giờ. Tích lũy liều không được quan sát thấy sau khi dùng nhiều liều.
Quần thể đặc biệt: Dược động học của bromhexin chưa được nghiên cứu ở người cao tuổi hoặc người bị suy thận hoặc gan.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 2 vỉ x 10 viên. Hộp 3 vỉ x 10 viên.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT:

Công ty Cổ phần Dược phẩm Công nghệ cao Abipha
Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.363253888; Fax: 024.363253888
Website: www.abipha.com.vn